TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **82/**2022/HNGĐ-ST
Ngày 21/9/2022
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Hạnh

2. Bà Ma Thị Thu Loan

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2022/TLST- HNGĐ, ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc Tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 19/8/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị L, sinh năm 1971.

- *Bị đơn:* Ông Triệu Văn H, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(Bà Bùi Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Triệu Văn H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Bùi Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Triệu Văn H tổ chức lễ cưới vào năm 1990. Tuy nhiên, ông bà không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Sau ngày cưới vợ chồng bà về làm ăn và chung sống tại thôn Đ, xã C, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng đến năm 1997 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, do bà và ông H không đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là cháu Triệu Thị H, sinh ngày 22/02/1992 và cháu Triệu Thị T, sinh ngày 24/12/1995. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành bà không đề nghị Toà án xem xét.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Bà xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Triệu Văn H không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không hòa giải được.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc "*Tranh chấp ly hôn"* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, 15 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L, không công nhận bà Bùi Thị L và ông Triệu Văn H là vợ chồng. Về con chung: Các đương sự có 02 con chung là cháu Triệu Thị H, sinh ngày 22/02/1992 và cháu Triệu Thị T, sinh ngày 24/12/1995. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành nên không xem xét. Về tài sản, đất đai, vay nợ không có tranh chấp nên không xem xét. Về án phí ly hôn sơ thẩm bà Bùi Thị L phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Bùi Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: kết quả xác minh xác định bà Bùi Thị L và ông Triệu Văn Hòa đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã C, huyện Sơn Dương. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Ông Triệu Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị L, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương: Từ năm 1990 đến nay, không có trường hợp nào có tên chồng là Triệu Văn H, vợ Bùi Thị L đăng ký kết hôn.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng

mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng".

Bà Bùi Thị L và ông Triệu Văn H chung sống với nhau từ năm 1990 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do vậy, HĐXX cần xử không công nhận bà Bùi Thị L và ông Triệu Văn H là vợ chồng.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Qúa trình giải quyết ly hôn bà Bùi Thị L khai có 02 con chung là cháu Triệu Thị H, sinh ngày 22/02/1992 và cháu Triệu Thị T, sinh ngày 24/12/1995. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Bà Bùi Thị L xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Bùi Thị L phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Triệu Văn H không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn* đối với ông Triệu Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Bùi Thị L và ông Triệu Văn H là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Bà Bùi Thị L và ông Triệu Văn H có 02 con chung là cháu Triệu Thị H, sinh ngày 22/02/1992 và cháu Triệu Thị T, sinh ngày 24/12/1995. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về án phí: Bà Bùi Thị L phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002155 ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Ông Triệu Văn H không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Lê Tuấn Linh